TRÍCH LỤC BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH
(Bổ sung)

1. Số hiệu thửa đất: *12*; Tờ bản đồ địa chính số: *138*

Cạnh	Chiều dài (m)	Cạnh	Chiều dài (m)	Cạnh	Chiều dài (m)
23 - 24	20.36				
24 - 25	32.93				
25 - 26	87.87				
26 - 27	14.24				
27 - 28	7.34				
28 - 29	12.76				
29 - 30	11.06				
30 - 31	7.36				
31 - 32	4.16				
32 - 33	3.74				
33 - 34	10.44				
34 - 35	7.83				
35 - 36	8.75				
36 - 37	3.17				
37 - 38	3.37				
38 - 39	11.41				
39 - 40	4.07				
40 - 1	9.59				